

TÓM TẮT BÁO CÁO

Tỷ số giới tính khi sinh (TSGTKS) dao động trong khoảng 104-106 trẻ em trai cho mỗi 100 trẻ em gái là tỷ số quan sát được ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên tỷ số này tăng dần lên trong 25 năm qua ở một vài quốc gia châu Á, nhất là Trung Quốc và Ấn Độ. Việt Nam từ lâu đã gây sự chú ý của giới quan sát vì không có bất kỳ sự gia tăng nào về tỷ số này, mặc dù đã có một số điều kiện cần cho sự gia tăng của tỷ số này như mức sinh giảm nhanh, lĩnh vực y tế được hiện đại hóa và truyền thống ưa thích con trai.

Từ năm 2000, đã có một vài dấu hiệu gia tăng tỷ lệ sinh con trai từ số liệu các cuộc điều tra dân số hàng năm của Tổng cục Thống kê (TCTK). Chuyên khảo này giới thiệu một phân tích toàn diện số liệu thống kê dựa trên mẫu 15% của Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009 (TĐTDS). Chuyên khảo này khẳng định sự gia tăng gần đây của TSGTKS, ở mức 110,6 trẻ em trai cho 100 trẻ em gái ra đời trong thời gian 12 tháng trước cuộc TĐTDS. Phân tích sâu số liệu mẫu TĐTDS cũng chỉ ra những đặc tính khác biệt chính của TSGTKS ở Việt Nam.

- Trong khi không có sự khác biệt đáng kể nào giữa khu vực nông thôn-thành thị, thì lại có sự khác biệt rõ ràng giữa các vùng trên cả nước. Các tỉnh, phần lớn tập trung tại vùng Tây Nguyên có TSGTKS gần với mức sinh học bình thường. Ngược lại, TSGTKS đã đạt tới mức 115 hoặc thậm chí trên 120 ở một số tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng, đặc biệt tại khu vực nông thôn. Bản đồ TSGTKS theo tỉnh nêu bật xu hướng khác biệt rõ rệt này giữa các vùng.
- TSGTKS cao hơn đáng kể ở lần sinh thứ 3 trở lên (115), mặc dù việc lựa chọn giới tính trước sinh cũng quan sát được qua TSGTKS cao ở lần sinh thứ nhất (110,2). Phân tích TSGTKS theo giới tính của các lần sinh trước cho thấy mức TSGTKS cao bất thường có liên quan mật thiết với việc không có con trai ở các lần sinh trước.
- TSGTKS có liên quan chặt chẽ với trình độ học vấn của bà mẹ, nằm trong khoảng 107 đến 113 theo số năm đi học. TSGTKS cao có liên quan mật thiết với chất lượng nhà ở và sở hữu các tài sản hộ gia đình. Chỉ số tổng hợp về điều kiện sống cho thấy trong khi nhóm dân cư nghèo nhất có TSGTKS ở mức sinh học bình thường là 105,2, thì ngược lại tỷ số này đã tăng lên nhanh chóng ở các nhóm có điều kiện kinh tế xã hội tốt hơn, đạt mức 112,5 ở các nhóm giàu nhất.
- Mô hình phân tích đa tuyến tính hiện tượng nam hóa khi sinh ở Việt Nam chỉ ra rằng, ngoài thứ tự sinh, các biến số khác như mức độ phát triển kinh tế xã hội, nơi cư trú, vùng, tính tự chủ của phụ nữ trong gia đình (giáo dục, di cư), dân tộc thiểu số, có tác động độc lập tới sự khác biệt về TSGTKS. Điều này có nghĩa là sự gia tăng gần đây của TSGTKS không phải chỉ do tác động của một yếu tố kinh tế hay xã hội duy nhất.
- Mô hình ước lượng gián tiếp cho thấy TSGTKS ở Việt Nam bắt đầu tăng lên từ năm 2005. Một số dấu hiệu cho thấy tỷ số này bắt đầu tăng nhẹ và xảy ra sớm hơn trong một số nhóm dân cư hoặc ở một số vùng từ năm 2004.

Một phần của chuyên khảo này phân tích những hệ lụy của hiện tượng gia tăng TSGTKS gần đây tới cơ cấu dân số hiện tại và đưa ra kết quả dự báo dân số cho giai đoạn 2009-2049. Với các giả thuyết khác nhau về các tình huống diễn biến của TSGTKS từ năm 2005, những kết quả mô phỏng nhân khẩu học đã minh họa tình trạng gia tăng số sinh trẻ em trai hơn số trẻ em gái hiện tại chắc chắn sẽ dẫn đến gia tăng tỷ số giới tính của toàn bộ dân số Việt Nam, cũng như gia tăng tình trạng dư thừa của nhóm dân số nam giới trưởng thành trong độ tuổi kết hôn.

Chuyên khảo kết thúc bằng phần thảo luận các lựa chọn chính sách can thiệp nhằm nhanh chóng hạn chế sự gia tăng của TSGTKS và đưa tỷ số này trở về mức sinh học bình thường trong tương lai gần. Tuy nhiên, có rất ít các báo cáo của các nước liên quan đến đáp ứng chính sách có hiệu quả đối với tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Hàn Quốc là một ví dụ duy nhất đã thành công trong việc bình ổn TSGTKS thông qua một số can thiệp chính sách như kiểm soát chặt chẽ chẩn đoán giới tính trước sinh, thực thi các đạo luật mới và những thay đổi kinh tế xã hội nhanh chóng.

Cần áp dụng nhiều giải pháp khác nhau để thay đổi xu hướng gia tăng TSGTKS tạo nên do quan niệm bất bình đẳng giới đã tồn tại lâu dài trong xã hội. Cùng với việc giảm mức sinh gần đây và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ y tế, mọi nỗ lực làm giảm tình trạng mất cân bằng giới tính hiện tại thông qua các can thiệp có định hướng và các chiến dịch truyền thông sẽ góp phần làm giảm bớt số nam giới Việt Nam phải trì hoãn hôn nhân hay sống độc thân trong tương lai. Những nghiên cứu định tính và việc giám sát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam sẽ cung cấp những số liệu cần thiết để triển khai một chiến lược và can thiệp hiệu quả nhằm giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh đang diễn ra.